

Số : 4.6/CBTT-THP

Đà Nẵng, ngày 06. Tháng 4 năm 2023

CÔNG BỐ THÔNG TIN

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

- Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VÀ THƯƠNG MẠI THUẬN PHƯỚC
- Trụ sở chính: KCN Dịch vụ Thủy sản Thọ Quang, P. Thọ Quang, Q. Sơn Trà, TP. Đà Nẵng.

- Điện thoại: 0236.3920920

Fax: 0236.3923308

- Email: info@thuanphuoc.vn

- Sàn giao dịch : UPCOM.

- Mã chứng khoán : THP.

- Người thực hiện công bố thông tin : Bà Nguyễn Thị Phi Anh.

- Chức vụ: Tổng Giám đốc.

- Loại thông tin công bố:

Bất thường ,24h.

Yêu cầu.

Định kỳ.

- Nội dung thông tin công bố:

Báo cáo Thường niên năm 2022 của Công ty cổ phần Thủy sản và Thương mại Thuận Phước.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty tại đường dẫn : <http://www.thuanphuoc.vn>.(mục quan hệ cổ đông)

Chúng tôi cam kết các thông tin trên là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VÀ THƯƠNG MẠI THUẬN PHƯỚC

Nơi nhận :

-Như trên;

-HDQT, BKS;

-Lưu VT.



NGUYỄN THỊ PHI ANH

Tài liệu đính kèm : Báo cáo Thường niên năm 2022.

**BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN NĂM 2022**

Kính gửi : - Ủy ban chứng khoán nhà nước.
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch : **CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VÀ THƯƠNG MẠI THUẬN PHƯỚC**
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: Giấy chứng nhận ĐKDN số 0400100432 do Sở Kế hoạch và đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp lần đầu ngày 29 tháng 06 năm 2007, thay đổi lần thứ 8, ngày 30 tháng 11 năm 2022;
- Vốn điều lệ : **216.111.850.000đồng**
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu : **216.111.850.000đồng**
- Địa chỉ : Khu công nghiệp dịch vụ Thủy sản Thọ Quang, Phường Thọ Quang, Q. Sơn Trà, Đà Nẵng.
- Số điện thoại : 0236.3920920
- Số Fax : 0236.3923308
- Website : www.thuanphuoc.vn
- Mã cổ phiếu : **THP**

Quá trình hình thành và phát triển :

Công ty Cổ phần Thủy sản và Thương mại Thuận Phước là một trong những doanh nghiệp hàng đầu của Việt Nam chuyên sản xuất và xuất khẩu các mặt hàng thủy sản đông lạnh. Trong nhiều năm qua, với sự nỗ lực không ngừng, doanh nghiệp đã phát triển mạnh mẽ, góp phần quan trọng vào sự phát triển kinh tế - xã hội của thành phố Đà Nẵng. Thị trường xuất khẩu tôm của doanh nghiệp ngày càng được mở rộng đến nhiều Quốc gia và vùng lãnh thổ, trong đó chủ yếu tập trung vào Hoa Kỳ, Nhật Bản, Hàn Quốc, các nước thuộc Liên minh Châu Âu, Canada, Australia,.....

Công ty Cổ phần Thủy sản và Thương mại Thuận Phước thành lập vào tháng 6 năm 1987 với tiền thân là Xí nghiệp đông lạnh 32, được cổ phần hóa từ doanh nghiệp Nhà nước năm 2007 theo Quyết định số: 9384/QĐ-UBND ngày 31/12/2006 của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng “Về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa và chuyển Công ty Thủy sản và Thương mại Thuận Phước thành Công ty cổ phần”. Hiện Công ty hoạt động tại KCN dịch vụ Thủy sản Đà Nẵng, phường Thọ Quang, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.

Sự hình thành và phát triển của Công ty được chia làm 03 giai đoạn chính:

↳ Giai đoạn 1 : Từ năm 1987 đến năm 1997

Xí nghiệp đông lạnh 32, được thành lập năm 1987 với vốn điều lệ ban đầu 17.000.000 đồng cùng với một số máy, thiết bị cũ, lạc hậu. Đứng trước tình hình khó khăn lúc bấy giờ, Công ty đã tự tìm hướng đi riêng cho mình bằng cách vận dụng các cơ chế thích hợp như ứng vật tư, hàng hoá, vận động ngư dân bán nguyên liệu, kinh doanh thương mại tổng hợp, mua bán vàng, ngoại tệ...nhờ đó từng bước vượt qua khó khăn, dần dần có vốn để duy trì sản xuất.

Trong thời kỳ từ năm 1988 đến năm 1992, trước nhu cầu mở rộng và phát triển sản xuất nhằm sản xuất ra nhiều sản phẩm với chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu mở rộng thị trường, Công ty tiến hành đầu tư mua sắm thêm các máy, thiết bị như: 02 xe lạnh, Tủ đông công suất 1,5tấn/mẻ, xây dựng mở rộng nhà xưởng thêm 2.000 m² với tổng vốn đầu tư 4,7 tỷ đồng.

Sau gần một năm xây dựng, đến năm 1993, phân xưởng bắt đầu đi vào hoạt động và cũng trong thời điểm này nhờ chính sách đầu tư, mở cửa của Đảng và Nhà Nước, lần đầu tiên Công ty được phép xuất khẩu trực tiếp ra nước ngoài, tạo điều kiện từng bước giữ vững và phát triển thị trường, từ chỗ đạt 1,5 triệu USD năm 1992 đã tăng lên gần 3 triệu USD năm 1993.

Năm 1994, Công ty Thủy sản và Thương mại Thuận Phước được thành lập với số vốn kinh doanh 14,3 tỷ đồng. Kể từ khi thành lập, tốc độ tăng trưởng liên tục tăng, từ chỗ 3 triệu USD năm 1993 đến năm 1997 giá trị kim ngạch xuất khẩu đạt 7,2 triệu USD.

↳ Giai đoạn 2: Từ năm 1998 đến năm 2006 :

Do yêu cầu phát triển sản xuất và đòi hỏi ngày càng cao của thị trường. Năm 1999, Công ty lập dự án đầu tư nâng cao chất lượng sản phẩm thủy sản xuất khẩu với tổng mức đầu tư 12 tỷ đồng để xây dựng 01 nhà xưởng với diện tích 1.000m² và 01 kho lạnh 200 tấn và lắp đặt một số thiết bị sản xuất các mặt hàng cao cấp như: tủ đông gió, máy phát điện, hệ thống đông IQF...Sau khi dự án hoàn thành và đưa vào sản xuất, hiệu quả đạt được vô cùng khả quan, từ chỗ 7,17 triệu USD năm 1999 vươn lên đạt 13,44 triệu USD vào năm 2000.

Mặc dù đã đầu tư cơ sở hạ tầng, thiết bị và nâng cao chất lượng sản phẩm nhưng vẫn không đủ đáp ứng nhu cầu tiêu thụ của thị trường lúc bấy giờ. Do đó, năm 2001, Công ty tiếp tục lập dự án đầu tư mở rộng và nâng cao năng lực xuất khẩu với công suất 1.200 tấn sản phẩm/năm với tổng mức đầu tư 27 tỷ đồng và đưa vào sử dụng, nâng tổng giá trị xuất khẩu năm 2002 lên 15,67 triệu USD.

Năm 2003, tình hình sản xuất kinh doanh có sự thay đổi lớn về quy mô, ngày 22/11/2002 Ủy ban nhân dân Thành phố Đà Nẵng ban hành Quyết định số: 120/2002/QĐ-UBND “Về việc sáp nhập Công ty Bia Đà Nẵng vào Công ty Thủy sản và Thương mại Thuận Phước” để hình thành một Công ty có tầm cỡ trong lĩnh vực

chế biến xuất khẩu đồng thời cũng chuẩn bị cho việc di dời nhà máy vào khu công nghiệp. Để đảm bảo cho việc sản xuất liên tục, Công ty tiến hành lập dự án đầu tư xây dựng nhà máy chế biến thủy sản đông lạnh xuất khẩu với công suất thiết kế 6.500 tấn sản phẩm/năm với tổng mức đầu tư dự án lên đến 188 tỷ đồng và đưa vào sử dụng năm 2006. Sau khi nhà máy đi vào hoạt động đã phát huy hiệu quả rõ rệt, kim ngạch xuất khẩu từ 15,67 triệu USD năm 2002 tăng lên 31,6 triệu USD vào năm 2006.

↳ Giai đoạn 3: Từ năm 2007 - đến nay :

Năm 2007 đánh dấu một bước ngoặt lớn của Công ty Thủy sản và Thương mại Thuận Phước trong việc cổ phần hóa và chính thức mang tên Công ty Cổ phần Thủy sản và Thương mại Thuận Phước.

Tháng 02/2021 Công ty khánh thành nhà máy chế biến thủy sản đông lạnh xuất khẩu An An với công suất 4.950 tấn sản phẩm/năm đi vào hoạt động.

Cùng với sự nỗ lực không ngừng của doanh nghiệp, sau gần 35 năm hình thành và phát triển, tính đến năm 2022, sản lượng xuất khẩu đạt 11.305 tấn sản phẩm, kim ngạch xuất khẩu đạt 134,23 triệu USD, mang về doanh thu 3.146 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế đạt 25,98 tỷ đồng.

↳ Sự kiện quan trọng :

- Các sự kiện khác : không có.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh :

- Ngành nghề kinh doanh :

+ Sản xuất và xuất khẩu các mặt hàng thủy sản đông lạnh;

+ Nuôi trồng thủy sản.

- Địa bàn kinh doanh :

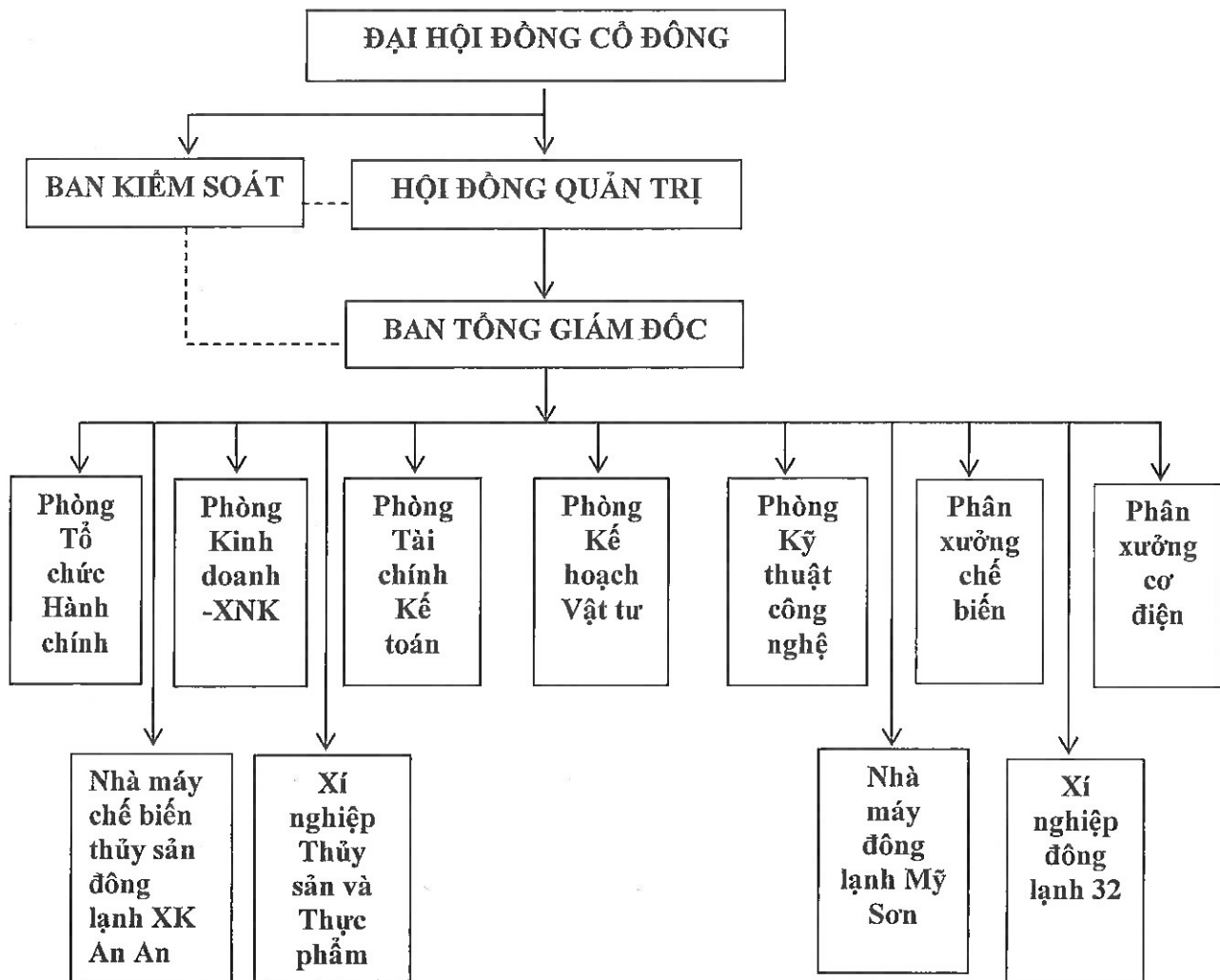
Hiện nay, sản phẩm của công ty chủ yếu xuất khẩu sang các thị trường như Mỹ, EU, Nhật bản, Hàn Quốc và các thị trường khác.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

- Mô hình quản trị : Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám.

- Cơ cấu bộ máy quản lý.

**SƠ ĐỒ QUẢN LÝ BỘ MÁY CÔNG TY CP THỦY SẢN VÀ THƯƠNG MẠI
THUN PHƯỚC**



- Các công ty con, công ty liên kết :
- + Công ty con : không.

4. Định hướng phát triển :

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty :

Đổi mới cơ cấu tổ chức và cơ chế quản lý, đảm bảo sự ổn định trên cơ sở đổi mới có sự kế thừa những thành tựu đã đạt được nhằm gia tăng mọi năng lực sản xuất sẵn có trong Công ty.

Từng bước nâng cao năng lực cạnh tranh và trở thành một trong các Công ty có thế mạnh, có đầy đủ năng lực trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh thủy sản;

Phấn đấu để Công ty trở thành thương hiệu có uy tín cao trong lĩnh vực thủy sản; phát triển ổn định, bền vững, có sức cạnh tranh cao, hoạt động vì mục tiêu lợi nhuận, bảo toàn và phát triển vốn chủ sở hữu đầu tư tại Công ty, giải quyết việc làm cho người lao động và tích lũy đầu tư để phát triển bền vững.

- Chiến lược phát triển trung và dài hạn :

Hoạt động của Hội đồng quản trị theo mục tiêu thiết thực, cụ thể, hiệu quả và đề cao kỹ cương trong quản lý điều hành. Trong hoạt động thường xuyên, cùng với Ban điều hành quan tâm đến việc phát triển thị trường mới, khách hàng mới, sản phẩm mới với mục tiêu có đơn hàng, đảm bảo đủ việc làm cho người lao động. Trong những năm tiếp theo, Hội đồng quản trị sẽ trực tiếp chỉ đạo, bám sát hoạt động đầu tư, tăng cường kỹ cương nề nếp trong doanh nghiệp, thông qua công tác kiểm tra giám sát, quan tâm và kịp thời giải quyết những khó khăn, đề xuất của Ban điều hành trong quá trình triển khai nhiệm vụ sản xuất kinh doanh. Ban điều hành sẽ điều chỉnh kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản phù hợp với qui định tại điều lệ và điều kiện sản xuất thực tế tại doanh nghiệp.

Phát triển Công ty trở thành nhà cung cấp, sản xuất, xuất khẩu thủy sản đáng tin cậy và nằm trong Top các doanh nghiệp xuất khẩu thủy sản tôm đông lạnh.

Phân đầu sản xuất kinh doanh tăng trưởng bền vững nhằm tối đa hóa lợi nhuận cho Công ty, cho cổ đông, cải thiện điều kiện làm việc và nâng cao thu nhập cho người lao động, thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ với ngân sách nhà nước, phát triển công ty ngày càng lớn mạnh.

Đẩy mạnh công tác đào tạo chuyên sâu và nâng cao năng lực phục vụ công tác quản lý. Đẩy mạnh phong trào phát huy sáng kiến, cải tiến khoa học kỹ thuật áp dụng vào thực tiễn sản xuất, chú trọng đào tạo và phát triển nguồn nhân lực có trình độ, chất lượng, có tác phong công nghiệp và kỷ luật cao.

Tiếp tục đầu tư các thiết bị chuyên ngành hiện đại, mang tính đổi mới công nghệ. Thông qua việc đầu tư để tiếp cận được những phương tiện, thiết bị hiện đại theo hướng phát triển của khoa học kỹ thuật tiên tiến, đồng thời cũng đào tạo được đội ngũ cán bộ kỹ thuật và công nhân lành nghề, đáp ứng yêu cầu phát triển của Công ty.

Tập trung chỉ đạo điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh tiết kiệm, hiệu quả, an toàn.

Quản lý chặt chẽ chi phí, đảm bảo sử dụng nguồn vốn có hiệu quả; nâng cao năng lực tài chính, đảm bảo phát triển liên tục, ổn định, vững chắc.

Xây dựng thành công văn hóa doanh nghiệp, tích cực thực hiện công tác an sinh xã hội.

- Các mục tiêu phát triển bền vững môi trường, xã hội và cộng đồng :

Đây cũng là mục tiêu chủ yếu, đồng thời là chiến lược phát triển trung và dài hạn như đã nêu trên, góp phần bảo vệ quyền, lợi ích chính đáng và hợp pháp cho người lao động và các cổ đông.

Công ty luôn quan tâm đến các tiêu chuẩn quốc tế về quản lý chất lượng và môi trường qua việc áp dụng hệ thống quản lý chất lượng ISO14.000, các tiêu chuẩn ASC, BSCI, BRC, IFS, BAP, Global GAP vv.....; Cải tiến, đầu tư những máy móc thiết bị tiên tiến, tiết kiệm nhiên liệu và điện năng góp phần giảm thải các khí gây hiệu ứng nhà kính Là một công ty chuyên sản xuất chế biến thủy sản, Công ty không chỉ chú trọng về an toàn vệ sinh thực phẩm làm ra mà còn đặt yếu tố thân thiện với môi

trường lên hàng đầu; thực hiện đầy đủ các quy định, yêu cầu về các đánh giá tác động đối với môi trường, đầu tư hệ thống xử lý nước thải công suất 2.000m³/ngày đêm, đạt tiêu chuẩn đầu ra của Việt Nam góp phần vào sự phát triển bền vững.

5. Các rủi ro :

5.1. Rủi ro luật pháp :

Rủi ro về luật pháp là những thay đổi trong hệ thống các văn bản luật trực tiếp hoặc gián tiếp điều chỉnh hoạt động của công ty.

Để tăng cường hiệu quả quản lý cũng như tạo hành lang pháp lý cho các doanh nghiệp tăng trưởng và phát triển, Nhà nước đã thực hiện ban hành một loạt các hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật nhằm điều chỉnh hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp, phù hợp với nhu cầu phát triển của xã hội.

Thêm vào đó, là công ty đại chúng quy mô lớn, ngoài luật doanh nghiệp và các luật liên quan, hoạt động kinh doanh của Công ty còn chịu sự tác động của Luật chứng khoán và các văn bản pháp luật khác. Luật và các văn bản dưới luật trong lĩnh vực chứng khoán đang trong quá trình hoàn thiện, sự thay đổi về mặt chính sách luôn có thể xảy ra, ảnh hưởng đến hoạt động quản trị và kinh doanh của doanh nghiệp.

5.2. Rủi ro đặc thù - Rủi ro về nguyên liệu:

Nguyên liệu đầu vào là yếu tố rất quan trọng đối với những doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực sản xuất chế biến thủy sản. Trong những năm gần đây, nguyên liệu đầu vào cho ngành sản xuất chế biến thủy sản luôn trong tình trạng thiếu hụt khiến giá nguyên liệu đầu vào biến động mạnh không ngừng tăng. Bên cạnh đó, việc kiểm soát về kháng sinh, về bảo quản,... không tốt dẫn đến nguồn nguyên liệu đầu không đảm bảo chất lượng sản phẩm.

5.3. Rủi ro về tiêu chuẩn an toàn thực phẩm

Các công ty chế biến thủy sản phải thực hiện rất nghiêm ngặt các tiêu chuẩn an toàn thực phẩm. Hơn nữa, thị trường xuất khẩu là thị trường rất khó tính, xu hướng bảo hộ thương mại, các hàng rào kỹ thuật, kiểm dịch chặt chẽ và thường xuyên ban hành các tiêu chuẩn mới khắt khe hơn về dư lượng kháng sinh và an toàn vệ sinh thực phẩm. Đây là thách thức lớn đối với các doanh nghiệp Việt Nam. Một khi không tuân thủ nghiêm ngặt các tiêu chuẩn về an toàn thực phẩm của các nước nhập khẩu đồng nghĩa với việc tự loại bỏ mình ra khỏi thị trường.

Ý thức được tầm quan trọng của vấn đề, Công ty đã xây dựng chính sách chất lượng với cam kết để phấn đấu trở thành một trong những doanh nghiệp chế biến và xuất khẩu thủy sản an toàn có chất lượng tốt, có uy tín trên thị trường quốc tế.

5.4. Rủi ro về nguồn nhân lực

Tình trạng khan hiếm lao động, cũng như chất lượng lao động đang là nỗi lo cho các doanh nghiệp trong ngành thủy sản, nhiều doanh nghiệp thủy sản Việt Nam luôn phải đối phó với việc thiếu lao động diễn ra gần như quanh năm. Lực lượng lao động sau mỗi kỳ nghỉ lễ, đặc biệt là tết âm lịch lại giảm mạnh. Do vậy, doanh nghiệp phải mất một khoản chi phí lớn cho việc tuyển dụng và đào tạo lao động mới.

Để đảm bảo quá trình sản xuất diễn ra liên tục, không bị gián đoạn do việc thiếu nhân công, ban lãnh đạo Công ty đã áp dụng cơ chế lương hợp lý cùng với những đãi ngộ, chăm lo cho đời sống công nhân viên, tạo cho người lao động một môi trường làm việc chuyên nghiệp với mức thu nhập khá. Do đó, Công ty CP Thủy sản và thương mại Thuận Phước luôn có một đội ngũ lao động, chuyên môn cao và sẵn sàng gắn bó lâu dài với lợi ích của Công ty.

5.5. Rủi ro về thị trường xuất khẩu:

Đây là những thị trường có nhiều biến động và khó lường. Những quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm, các rào cản thương mại, phí thuế quan như chống bán phá giá, chống trợ cấp... là những nhân tố có thể ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty.

5.6. Rủi ro tỷ giá :

Đối với các doanh nghiệp, sự biến động thất thường, phức tạp của tỷ giá tác động không nhỏ tới kết quả kinh doanh. Đối với những doanh nghiệp xuất khẩu thủy sản, khi tỷ giá tăng thì doanh thu và lợi nhuận cũng tăng và ngược lại.

5.7. Rủi ro về thị trường tiêu thụ :

Những thị trường tiêu thụ chính của Công ty chủ yếu thị trường EU, Mỹ, Nhật bản, Hàn Quốc. Đây là những thị trường khó tính với yêu cầu tiêu chuẩn kỹ thuật, quy chuẩn về chất lượng, về vệ sinh an toàn thực phẩm do đó đòi hỏi Công ty phải luôn luôn cập nhật, thay đổi về quy trình, công nghệ về dây chuyền sản xuất....mới có thể đáp ứng các yêu cầu, tiêu chí trên. Nếu không công ty sẽ gặp phải những rủi ro nhất định từ bên nhập khẩu dẫn đến tăng chi phí.

5.8. Rủi ro về cạnh tranh : Đối với ngành thủy sản trong nước, các doanh nghiệp chế biến, nuôi trồng đầu tư không đồng bộ, dàn trải, sản phẩm không ổn định dẫn đến cạnh tranh về giá khiến giá tôm bị đẩy lên cao, thiếu hụt nguyên liệu sản xuất.

5.9. Rủi ro về các yếu tố đầu vào : Nguồn nguyên liệu của công ty chủ yếu là tôm, do đó các biến động liên quan đến yếu tố này đều ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty do chất lượng con giống, thức ăn, biến đổi khí hậu, dịch bệnh,...

5.10. Rủi ro biến động giá cổ phiếu : Cổ phiếu của công ty được đăng ký giao dịch tại sàn Upcom – Sở giao dịch chứng khoán Hà nội đã đem lại uy tín, tính thanh khoản, minh bạch góp phần vào quảng bá thương hiệu đối với các nhà đầu tư. Tuy nhiên, giá cổ phiếu được quyết định bởi nhiều yếu tố về tình hình kinh tế chính trị xã hội trong nước và ngoài nước, yếu tố về tâm lý của nhà đầu tư.... Nếu có sự thay đổi sẽ tác động đến giá cổ phiếu sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến thương hiệu, giá trị và sự tin tưởng của nhà đầu tư vào công ty

5.11. Rủi ro của việc sử dụng vốn vay

Sử dụng vốn vay trong hoạt động kinh doanh được xem như là một đòn bẩy tài chính hữu hiệu của các doanh nghiệp, nhằm gia tăng năng lực hoạt động và nâng cao lợi nhuận. Tuy nhiên, doanh nghiệp với cơ cấu vốn phụ thuộc nhiều vào nguồn vốn vay sẽ đối mặt với một số rủi ro nhất định. Trong điều kiện lãi suất liên tục tăng sẽ gây áp lực lên khả năng thanh toán của doanh nghiệp. Và khi lợi nhuận thu được không đủ chi trả các khoản nợ vay có thể dẫn doanh nghiệp đến bờ vực phá sản nhanh hơn.

5.12. Rủi ro khác :

Các rủi ro bất khả kháng như chiến tranh, thiên tai dịch bệnh, địch họa, hỏa hoạn... nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại về tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của Công ty. Đây là những rủi ro không thể loại trừ nhưng có thể giảm thiểu. Vì vậy, Công ty thường xuyên nắm bắt kịp thời thông tin và đảm bảo thực hiện tốt công tác dự phòng, phòng ngừa khi có tình huống bất lợi xảy ra, đồng thời lên kế hoạch điều hành công việc một cách tối ưu.

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh 2022 :

DVT : tỷ đồng.

Stt	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2021	Thực hiện năm 2022	TH2022/TH2021 (%)
1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	2.686	3.146	117,13%
2	Kim ngạch xuất khẩu	Triệu USD	116,88	134,23	114,84%
3	Sản lượng xuất khẩu	Tấn	10.702	11.305	105,63%
4	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	20,4	25,98	127,35%

Trong bối cảnh tình hình kinh tế chính trị trên thế giới có nhiều bất ổn, xung đột giữa Nga và Ukraina ngày càng gia tăng chưa có dấu hiệu suy giảm, các nền kinh tế lớn như Mỹ, EU, Nhật bản.. tình hình lạm phát ở mức cao; Quan hệ căng thẳng về thương mại giữa các nước lớn vẫn còn diễn biến phức tạp, cùng với việc Trung Quốc hạn chế đi lại, mở cửa nền kinh tế do chưa dỡ bỏ chính sách Zero Covid đã tác động tiêu cực đến kinh tế toàn cầu.

Bên cạnh đó, doanh nghiệp cũng phải đối mặt với những thách thức như biến động về tiền tệ, chi phí đầu vào tăng cao, áp lực cạnh tranh gay gắt từ các nhà cung cấp, áp lực hàng tồn kho, nhu cầu tiêu thụ của người tiêu dùng trên thế giới suy giảm....ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Nhưng với sự quyết tâm

của Ban lãnh đạo công ty, đã đề ra các giải pháp kịp thời nhằm tháo gỡ khó khăn, cho nên năm 2022 hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty đạt được những kết quả đáng khích lệ.

2. Tình hình thực hiện các chỉ tiêu so với kế hoạch :

Stt	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2022	Thực hiện năm 2022	Thực hiện so với kế hoạch (%)
1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	3.000 - 3.500	3.146	104,87%
2	Kim ngạch xuất khẩu	Triệu USD	130 - 140	134,23	103,25%
3	Sản lượng xuất khẩu	Tấn	11.500 - 13.000	11.305	98,30%
4	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	20 - 22	25,98	129,90%

2. Tổ chức và nhân sự :

- Danh sách Ban điều hành :

Stt	Thành viên Ban điều hành	Chức vụ	Số lượng cổ phần sở hữu (tính đến ngày chốt 31/12/2022)	Tỷ lệ sở hữu
1	Bà Nguyễn Thị Phi Anh	Tổng giám đốc	10.229.736	47,34%
2	Bà Dương Thị Tuyết Hằng	Phó Tổng giám đốc	319.992	1,48%
3	Bà Lê Thị Minh Thảo	Phó Tổng giám đốc	1.220.940	5,65%
4	Bà Lê Thị Thanh Thảo	Phó Tổng giám đốc	1.147.120	5,30%
5	Ông Nguyễn Đình Tuấn	Phó Tổng giám đốc	33.600	0,15%
6	Ông Phạm Đình Nguyên	Phó Tổng giám đốc	8.400	0,038%
7	Bà Hà Thị Thu Thủy	Kế toán trưởng	4.200	0,019%

Bà Nguyễn Thị Phi Anh – Tổng giám đốc

1. Họ và tên : Nguyễn Thị Phi Anh

2. Ngày sinh: 05/09/1959

3. Quốc tịch : Việt Nam

4. Dân tộc : kinh

5. Trình độ chuyên môn/ Bằng cấp: Kỹ sư chế biến thủy sản / Đại học

6. Quá trình công tác :

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 1985 - 1986	Phân xưởng Chế biến, phụ trách kỹ thuật Công ty khai thác và Chế biến Thủy sản xuất khẩu Đà Nẵng	Phó Quản đốc
Từ 1986 - 1987	Phân xưởng Chế biến – Xí nghiệp đông lạnh 14	Phó Quản đốc
Từ 1987 - 1993	Xí nghiệp đông lạnh 32	Quản đốc
Từ 1993 - 1995	Xí nghiệp đông lạnh 32	Phó Giám đốc
Từ 1995 - 1998	Công ty Thủy sản và Thương mại Thuận Phước	Phó Giám đốc
Từ 1998 - 2002	Công ty Thủy sản và Thương mại Thuận Phước	Giám đốc
Từ 2003–06/2007	Xí nghiệp đông lạnh 32 trực thuộc Công ty Thủy sản và Thương mại Thuận Phước	Giám đốc
Từ 7/2007–02/2013	Công ty Cổ phần Thủy sản và Thương mại Thuận Phước.	Phó chủ tịch HĐQT / Phó Tổng giám đốc.
	Nhà máy đông lạnh Mỹ Sơn – trực thuộc Công ty cổ phần thủy sản và Thương mại Thuận Phước	Giám đốc
Từ 03/2013-12/2022	Công ty Cổ phần Thủy sản và Thương mại Thuận Phước;	Thành viên HĐQT/ Tổng giám đốc.
	Nhà máy đông lạnh Mỹ Sơn – trực thuộc Công ty cổ phần thủy sản và thương mại Thuận Phước	Giám đốc

7. Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán của cá nhân đến ngày 31/12/2022 : 10.229.736 cổ phần, chiếm 47,34% Vốn điều lệ.

Bà Dương Thị Tuyết Hằng – Phó Tổng giám đốc :

- Họ và tên : **Dương Thị Tuyết Hằng**
- Ngày sinh: 05/09/1959
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : kinh
- Trình độ chuyên môn/ Bằng cấp: Kỹ sư Công nghệ Thực Phẩm / Đại học
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ năm 1990 – 1992	Xí nghiệp đông lạnh 32.	
Từ năm 1992 – 1994	Xí nghiệp đông lạnh 32.	KCS thủy sản đông lạnh
Từ năm 1994 – 1997	Công ty Thủy sản và Thương mại Thuận Phước.	Ca trưởng phân xưởng chế biến thủy sản
Từ năm 1997 – 1998	Công ty Thủy sản và Thương mại Thuận Phước.	Phó quản đốc phân

		xưởng chế biến
Từ năm 1998 – 2007	Công ty Thủy sản và Thương mại Thuận Phước.	Quản đốc phân xưởng chế biến
Từ 2007 – 05/2014	Công ty cổ phần Thủy sản và Thương mại Thuận Phước.	Thành viên Hội đồng quản trị, Quản đốc Phân xưởng chế biến thủy sản
Từ 06/2014 – 12/2021	Công ty cổ phần Thủy sản và Thương mại Thuận Phước	Thành viên Hội đồng quản trị, Phó Tổng Giám đốc
	Công ty TNHH một thành viên thủy sản An.	Giám đốc
Từ 01/2022– 12/2022	Công ty cổ phần Thủy sản và Thương mại Thuận Phước	Thành viên Hội đồng quản trị, Phó Tổng Giám đốc

7. Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán của cá nhân đến ngày 31/12/2022: 319.992 cổ phần, chiếm 1,48% Vốn điều lệ.

Bà Lê Thị Minh Thảo – Phó Tổng giám đốc :

- Họ và tên : **LÊ THỊ MINH THẢO**
- Ngày sinh : 26/9/1987
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : kinh
- Trình độ chuyên môn/ Bằng cấp: Thạc sĩ kinh tế tài chính/ Cao học
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 09/1993 – 05/ 2005	- Học sinh tại Đà Nẵng	
Từ 07/2005 -07 /2006	- Học tại Trường Khoa học Xã hội và Nhân văn TP Hồ Chí Minh (thủ khoa kỳ thi tuyển sinh đại học)	
Từ 07/2006 – 07/2010	- Học đại học tại Trường Đại học Quốc gia Singapore – bằng danh dự ngành Kinh tế (học bổng chính phủ Singapore)	
Từ 09/2010- 12/2011	- Học thạc sĩ tại Trường Cardiff – Vương quốc Anh – ngành Kinh tế Tài chính.	
Từ 06/ 2013- 06/ 2015	- Viện đại học mở Hà Nội – Cử nhân Luật kinh tế	
Từ 01/2012- 07/ 2012	- Làm việc tại DKSH Việt Nam	

Từ 07/ 2012-09/2012	- Công ty CP Thủy sản và Thương mại Thuận Phước	- Trợ lý Giám đốc
10/ 2012- 04/2015	- Kinh doanh Xuất Nhập khẩu Công ty CP Thủy sản và Thương mại Thuận Phước	- Trưởng phòng
Từ 05/ 2015 – 12/2022	- Công ty CP Thủy sản và Thương mại Thuận Phước	- Thành viên HĐQT /Phó Tổng giám đốc

7. Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán của cá nhân đến ngày 31/12/2022 : 1.220.940 cổ phần, chiếm 5,65% Vốn điều lệ.

Bà Lê Thanh Thảo – Phó Tổng giám đốc :

1. Họ và tên : **LÊ THANH THẢO**
2. Ngày sinh : 11/12/1985
3. Quốc tịch : Việt Nam
4. Dân tộc : kinh
5. Trình độ chuyên môn/ Bằng cấp: Thạc sĩ Kinh tế phát triển/ Cao học
6. Quá trình công tác :

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 04/2009-8/2010	Ngân hàng Tokyo-Mitsubishi UFJ, Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	Nhân viên bộ phận Khách hàng doanh nghiệp
Từ 08/2010-11/2012	Ngân hàng TMCP Á Châu, Chi nhánh Đà Nẵng	Phó Trưởng phòng Khách hàng doanh nghiệp
Từ 11/2001-06/2015	Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn Nhà nước, Chi nhánh miền Trung	Chuyên viên Quản trị danh mục.
Từ 06/2015-04/2018	Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn Nhà nước, Chi nhánh miền Trung	Chuyên viên Phát triển dự án
Từ 6/2017 - 04/2018	Công ty CP Thủy sản và Thương mại Thuận Phước	Thành viên HĐQT.
Từ 05/2018 –4/2021	CTCP Thủy sản và Thương mại Thuận Phước	Thành viên HĐQT/ Phó tổng giám đốc kiêm Trưởng phòng kinh doanh xuất nhập khẩu
Từ 05/2021–12/2022	CTCP Thủy sản và Thương mại Thuận Phước	Thành viên HĐQT/ Phó tổng giám đốc, Người phụ trách quản trị kiêm thư ký công ty.

7. Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán của cá nhân đến ngày 31/12/2022 : 1.147.120 cổ phần, chiếm 5,30% Vốn điều lệ.

Ông Nguyễn Đình Tuấn – Phó Tổng giám đốc :

1. Họ và tên : Nguyễn Đình Tuấn
2. Ngày sinh : 16/02/1978
3. Quốc tịch : Việt Nam
4. Dân tộc : kinh
5. Trình độ chuyên môn/ Bằng cấp: Kỹ sư nhiệt – điện / Đại học
6. Quá trình công tác :

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 2002 - 2006	Công ty CP Thủy sản và Thương mại Thuận Phước	Nhân viên kỹ thuật thuộc ban QLXD cơ bản
Từ 2007 - 2012	Công ty CP Thủy sản và Thương mại Thuận Phước	Phó Quản đốc PX cơ điện
Từ 2012 - 2014	Công ty CP Thủy sản và Thương mại Thuận Phước	Quản đốc PX Cơ điện
Từ 2014 - 2015	Công ty CP Thủy sản và Thương mại Thuận Phước.	Phó Tổng Giám đốc.
	Xí nghiệp đông lạnh 32 trực thuộc công ty CP Thủy sản và Thương mại Thuận Phước	Giám đốc
Từ 2015 – 2017	Công ty CP Thủy sản và Thương mại Thuận Phước.	Phó Tổng Giám đốc
	Xí nghiệp đông lạnh 32 trực thuộc công ty CP Thủy sản và Thương mại Thuận Phước. Trại nuôi tôm Điền Hương trực thuộc công ty CP Thủy sản và Thương mại Thuận Phước	Giám đốc
Từ 2017 – 3/2022	Công ty CP Thủy sản và Thương mại Thuận Phước.	Thành viên HĐQT/ Phó Tổng Giám đốc
	Xí nghiệp đông lạnh 32 trực thuộc công ty CP Thủy sản và Thương mại Thuận Phước. Trại nuôi tôm Điền Hương trực thuộc công ty CP Thủy sản và Thương	Giám đốc

	mại Thuận Phước	
Từ 3/2022 – 12/2022	Công ty CP Thủy sản và Thương mại Thuận Phước. Xí nghiệp đông lạnh 32, Trại nuôi tôm Điền Hương trực thuộc công ty CP Thủy sản và Thương mại Thuận Phước	Phó Tổng Giám đốc Giám đốc

7. Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán của cá nhân đến ngày 31/12/2022 : 33.600 cổ phần, chiếm 0,15% Vốn điều lệ.

Ông Phạm Đình Nguyên – Phó Tổng giám đốc :

- Họ và tên : **Phạm Đình Nguyên**
- Ngày sinh : 06/12/1978
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : kinh
- Trình độ chuyên môn/ Bằng cấp: Kỹ sư Thiết bị công nghệ Hóa – Thực phẩm/ Đại học
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 2004–07/2007	Công ty Cổ phần Thủy sản và Thương mại Thuận Phước	Nhân viên KCS P. Kỹ thuật
Từ 08/2007 - 10/2018	Công ty Cổ phần Thủy sản và Thương mại Thuận Phước	Phó phòng Kỹ thuật
Từ 11/2018 –11/2019	Công ty Cổ phần Thủy sản và Thương mại Thuận Phước.	Giám đốc nhà máy chế biến thủy sản đông lạnh xuất khẩu An An / Phó phòng kỹ thuật công ty.
Từ 12/2019–12/2022	Công ty Cổ phần Thủy sản và Thương mại Thuận Phước	Phó Tổng Giám đốc/ Giám đốc nhà máy chế biến thủy sản đông lạnh xuất khẩu An An.

7. Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán của cá nhân đến ngày 31/12/2022 : 8.400 cổ phần, chiếm 0.038% Vốn điều lệ.

Bà Hà Thị Thu Thủy – Kế toán trưởng :

1. Họ và tên : **Hà Thị Thu Thủy**
2. Ngày sinh : 09/11/1976
3. Quốc tịch : Việt Nam
4. Dân tộc : kinh
5. Trình độ chuyên môn/ Bằng cấp: Cử nhân Kinh tế - Ngoại thương. Đại học Kinh tế và QTKD Đà Nẵng/Đại học
6. Quá trình công tác :

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 01/2001–03/2006	Công ty Cổ phần Thủy sản và Thương mại Thuận Phước	Nhân viên P. KHVT
Từ 4/2006–09/2007	Công ty TNHH Đức Việt	Nhân viên
Từ 10/2007–10/2013	Công ty Cổ phần Thủy sản và Thương mại Thuận Phước	Nhân viên P. KHVT
Từ 11/2013–11/2014	Công ty Cổ phần Thủy sản và Thương mại Thuận Phước	Nhân viên P. KDXNK
Từ 12/2014–12/2014	Công ty Cổ phần Thủy sản và Thương mại Thuận Phước.	Phó trưởng P. KTTV.
Từ 01/2015 – 08/2017	Công ty Cổ phần Thủy sản và Thương mại Thuận Phước.	Quyền Kế toán trưởng P. KTTV
Từ 9/2017 – 11/2019	Công ty Cổ phần Thủy sản và Thương mại Thuận Phước.	Phó Trưởng P. KTTV.
Từ 12/2019 – 04/2020	Công ty Cổ phần Thủy sản và Thương mại Thuận Phước.	Quyền Kế toán trưởng P. KTTV
Từ 05/2020 – 12/2022	Công ty Cổ phần Thủy sản và Thương mại Thuận Phước.	Kế toán trưởng Công ty

7. Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán của cá nhân đến ngày 31/12/2022 : 4.200 cổ phần, chiếm 0,019% Vốn điều lệ.

- Những thay đổi trong Ban điều hành : không có

- Tình hình nhân sự và chính sách đối với người lao động :

Tình hình nhân sự tính đến ngày 31/12/2022 :

Tiêu chí	Số lượng (người)	Tỷ trọng (%)
I Theo trình độ lao động	2.618	100

1 Trình độ cao đẳng, đại học trở lên	355	13,56
2 Trình độ Trung cấp	80	3,06
3 Trình độ lao động phổ thông	2.183	83,38
II Theo loại Hợp đồng lao động	2.618	100
1 Hợp đồng không xác định thời hạn	1.082	41,33
2 Hợp đồng xác định thời hạn	1.349	51,53
3 Hợp đồng học nghề	187	7,14

Chính sách đối với người lao động của Công ty được áp dụng theo chuẩn mực của Bộ luật lao động. Các nội dung được thể hiện trong thỏa ước lao động của Công ty đã thể hiện chính sách ưu đãi cho người lao động, trong đó các chế độ như: chế độ lương, tiền thưởng, BHXH, BHYT, bảo hộ lao động... được quan tâm thực hiện tốt.

+ Chính sách tuyển dụng, đào tạo :

Quy trình tuyển dụng lao động căn cứ từ nhu cầu của các bộ phận, Giám đốc phê duyệt chỉ tiêu tuyển dụng và chuyển lên bộ phận Tổ chức Hành chính tổng hợp và tuyển dụng.

Về đào tạo : nhằm nâng cao trình độ chuyên môn, tay nghề cho người lao động, hằng năm, Công ty đều tổ chức đào tạo, tái đào tạo nội bộ, đào tạo bên ngoài khi có yêu cầu của các bộ phận và đề nghị của Ban giám đốc. Công ty rất coi trọng chính sách thăng tiến nội bộ, kinh phí đào tạo được cung cấp theo yêu cầu đào tạo hằng năm.

- Chế độ làm việc :

Người lao động làm việc tại Công ty cổ phần Thủy sản và Thương mại Thuận Phước đều có hợp đồng lao động theo luật lao động, được hưởng mọi quyền lợi về chế độ, chính sách theo qui định hiện hành của nhà nước.

Công ty thực hiện chế độ giờ giấc làm việc theo đúng Luật lao động, trường hợp nguyên liệu nhiều nhất là khi vào vụ, công ty sắp xếp cho người lao động làm việc và bố trí nghỉ bù vào những ngày khác.

- Chính sách lương, thưởng, phúc lợi :

Công ty trả lương trên đơn giá tiền lương do Công ty xây dựng, trên cơ sở tham khảo mặt bằng trả lương của các đơn vị cùng ngành nghề. Công ty trả lương theo cơ chế khoán sản phẩm và theo sản lượng sản phẩm làm ra. Đảm bảo công bằng minh bạch, khuyến khích người lao động gắn bó lâu dài với công ty.

Hằng năm, căn cứ vào hiệu quả sản xuất kinh doanh, Công ty tổ chức xét bình bầu, theo tiêu chí ngày công, năng suất, hiệu quả. . . để thưởng cho CBCNV.

Chế độ phúc lợi : Nhằm đảm bảo cho người lao động yên tâm công tác và gắn bó lâu dài tại Công ty, hằng năm công ty tổ chức cho người lao động thăm quan, tổ chức các vui chơi nhân, sinh hoạt cộng đồng, chăm lo đến bếp ăn tập thể

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

a) Các khoản đầu tư lớn : không có

b) Các công ty con, công ty liên kết : không

4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính

Đơn vị tính : đồng

Nội dung	Năm 2022	Năm 2021	So sánh năm 2022/2021 tăng (+),giảm (-)	
			%	Giá trị
1.Tổng tài sản	1.330.364.196.050	1.376.966.701.069	-3,38	- 46.602.505.019
2.Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	3.146.130.952.117	2.685.577.102.062	17,15	460.553.850.055
3.Lợi nhuận trước thuế từ hoạt động kinh doanh	22.555.174.684	18.830.037.861	19,78	3.725.136.823
4. Lợi nhuận khác	3.405.007.283	1.606.164.876	112,00	1.798.842.407
5. Tổng lợi nhuận trước thuế	25.960.181.967	20.436.202.737	27,03	5.523.979.230
6. Lợi nhuận sau thuế TNDN	20.383.285.909	15.962.488.833	27,69	4.420.797.076
7. Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	03%	03%		

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu :

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2021
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán:		
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn (TS ngắn hạn/Nợ ngắn hạn)	1,015	1,009
+ Hệ số thanh toán nhanh (TS ngắn hạn trừ hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn)	0,387	0,456
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn:		
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản (Tổng nợ phải trả/ Tổng tài sản)	0,737	0,754
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu (Tổng nợ phải trả / vốn chủ sở hữu)	2,798	3,062
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động		

+ Vòng quay hàng tồn kho (Giá vốn hàng bán/ hàng tồn kho bình quân)	5,799	6,968
+Doanh thu thuần/Tổng tài sản	2,336	1,940
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời		
+ Hệ số LN sau thuế/Doanh thu thuần	0,006	0,006
+ Hệ số LN sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,058	0,047
+ Hệ số LN sau thuế/Tổng tài sản	0,015	0,012
+ Hệ số LN từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0,007	0,007

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.

a) Thông tin về Cổ phần :

Vốn điều lệ :	216.111.850.000VNĐ
Khối lượng cổ phiếu đã phát hành :	21.611.185 cổ phiếu
Khối lượng cổ phiếu đang lưu hành :	21.610.785 cổ phiếu
Cổ phiếu quỹ :	400 cổ phiếu
Loại cổ phiếu :	Cổ phiếu phổ thông
Mệnh giá 1 cổ phiếu :	10.000đồng

b) Thông tin Cơ cấu cổ đông :

Cơ cấu cổ đông theo danh sách chốt ngày 03/03/2023.

TT	Cổ đông	Số lượng cổ đông(người)	Số cổ phần	Giá trị(đồng)	Tỷ lệ sở hữu (%)
I	Cơ cấu tỷ lệ sở hữu	451	21.611.185	216.111.850.000	100,00
1	Cổ đông lớn (sở hữu 5% trở lên)	4	14.061.682	140.616.820.000	65,07
2	Cổ đông nhỏ (sở hữu dưới 5%)	447	7.549.503	75.495.030.000	34,93
II	Cổ đông nhà nước	-	-	-	-
III	Cổ đông trong nước	448	21.610.685	216.106.850.000	99,9977
1	Cá nhân	448	21.610.285	216.102.850.000	99,9958
2	Tổ chức	-	-	-	-

3	Cổ phiếu Quỹ	1	400	4.000.000	0,0019
IV	Cổ đông nước ngoài	2	500	5.000.000	0,0023
1	Cá nhân	1	400	4.000.000	0,0019
2	Tổ chức	1	100	1.000.000	0,0005
	Tổng cộng	451	21.611.185	216.111.850.000	100,00

Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa : 50%

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu : không có

Lần	Thời gian hoàn thành đợt phát hành	Vốn điều lệ thực góp tăng thêm (ĐVT : Đồng)	Vốn điều lệ thực góp sau phát hành (ĐVT : Đồng)	Hình thức phát hành
Ban đầu			36.000.000.000	Thành lập công ty CP
Lần 1	05/2008	18.663.000.000	54.663.000.000	Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu
Lần 2	11/2011	17.376.950.000	72.039.950.000	Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu
Lần 3	07/2020	144.071.900.000	216.111.850.000	Phát hành tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu và chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ : không có

e) Các chứng khoán khác : không có

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

6.1. Chính sách liên quan đến môi trường, xã hội :

Trong bối cảnh toàn cầu hóa, việc nhận thức về môi trường ngày càng được quan tâm hơn. Chính vì vậy, công ty luôn nêu cao nhận thức về tác động môi trường do hoạt động sản xuất kinh doanh. Mặt khác, các nhà nhập khẩu như EU, Mỹ, Nhật Bản, Hàn Quốc đều đòi hỏi những sản phẩm làm ra phải đảm bảo các tiêu chí về môi trường. Do vậy để tồn tại và phát triển, công ty phải quan tâm đến các khía cạnh về môi trường nhằm giảm thiểu đáng kể đến môi trường xung quanh.

Ý thức được vấn đề này. Công ty đề ra những biện pháp để bảo vệ môi trường, cụ thể :

- Áp dụng hệ thống quản lý ISO14000 nhằm quản lý môi trường tốt hơn từ khâu tiếp nhận nguyên liệu cho đến đóng gói, bảo quản và đến tay người tiêu dùng.
- Đầu tư xây dựng hệ thống xử lý nước thải công suất 2.000m³/ngày đêm đạt chuẩn đảm bảo các tiêu chí về môi trường.
- Chủ động tìm nguồn nguyên liệu sạch không sử dụng kháng sinh trong nuôi trồng. Công ty có một quy trình khép kín từ nuôi trồng đến chế biến, xuất khẩu. Có một vùng nuôi tôm rộng lớn tại Bến tre và Huế là nguồn nguyên liệu chủ yếu đảm bảo cho nhà máy hoạt động chế biến.
- Công ty có hệ thống dây chuyền hiện đại, đủ khả năng tạo ra các sản phẩm sạch, đảm bảo quy cách.
- Đầu tư máy móc hiện đại không những đảm bảo tăng năng suất, đáp ứng nhu cầu tiêu thụ của khách hàng mà còn là biện pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường do tiết kiệm năng lượng điện, nước....

6.2. Tiêu thụ năng lượng:

- a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp : Công ty mua điện tại công ty điện lực EVN.
- b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả : không có.
- c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này : Công ty hạn chế sử dụng các thiết bị vận hành trong giờ cao điểm, thay thế các thiết bị chiếu sáng sang bóng đèn Led tiết kiệm điện.

6.3. Tiêu thụ nước:

- a) Nguồn cung cấp nước cho Công ty do Công ty nước cung cấp và sử dụng khai thác một phần nước ngầm được nhà nước cho phép.
- b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng : tất cả các nguồn nước qua sử dụng đều được thải vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của khu công nghiệp.

6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường: Công ty luôn tuân thủ, chấp hành nghiêm chỉnh về pháp luật bảo vệ môi trường nên không để xảy ra vi phạm pháp luật về môi trường.

6.5. Chính sách liên quan đến người lao động

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động.

Tổng số lao động khoảng 2.618 người, thu nhập bình quân lao động đạt 9.000.000 đồng/ tháng; thực hiện đầy đủ chế độ bảo hiểm xã hội cho người lao động.

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động.

Công tác chăm lo đời sống, bảo đảm việc làm, an toàn sức khỏe cho người lao động luôn được xác định là yếu tố quan trọng hàng đầu, ảnh hưởng trực tiếp đến sự phát triển bền vững của Công ty. Ban lãnh đạo đã đề ra và áp dụng nhiều chế độ thiết thực và có lợi cho người lao động như : cơm ca miễn phí, hỗ trợ nuôi con nhỏ, hỗ trợ tiền thuê nhà trọ, xăng xe, chuyên cần..., bồi dưỡng hiện vật cho công nhân, đầu tư mua sắm, cấp phát bảo hộ cho người lao động nhằm đảm bảo an toàn trong hoạt động sản xuất.

c) Hoạt động đào tạo người lao động : Định kỳ hằng năm công ty tổ chức đào tạo và tái đào tạo cho toàn bộ CNVLD công ty về quy trình sản xuất, an toàn vệ sinh lao động, các chính sách phát luật hiện hành của nhà nước và của công ty.

6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương.

Công ty luôn tích cực tham gia các hoạt động, ủng hộ, từ thiện tại các địa phương mà công ty, chi nhánh đóng trên địa bàn như phụng dưỡng mẹ VNAH, ủng hộ quỹ vì người nghèo, ủng hộ Quỹ chất độc màu da cam....).

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh :

Đánh giá chung :

Năm 2022, tình hình kinh tế, chính trị nhiều nơi trên thế giới có nhiều bất ổn; Các nền kinh tế lớn như Mỹ, EU lạm phát ở mức cao; Quan hệ thương mại căng thẳng giữa các nước lớn, xung đột Nga và Ukraina ngày càng gia tăng chưa có dấu hiệu suy giảm, cũng như việc Trung Quốc hạn chế đi lại do tình hình dịch Covid-19 bùng phát đã tác động rất lớn đến nền kinh tế toàn cầu, hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Bên cạnh đó, doanh nghiệp cũng phải đối mặt với những thách thức như biến động về tỷ giá, chi phí đầu vào tăng cao, áp lực cạnh tranh gay gắt từ các nhà cung cấp, áp lực hàng tồn kho tăng cao do nhu cầu tiêu thụ của người tiêu dùng trên thế giới suy giảm....làm cho tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty ngày càng thêm khó khăn. Nhưng với sự quyết tâm của Ban Tổng giám đốc đã đề ra các giải pháp tháo gỡ khó khăn, vừa phải duy trì hoạt động sản xuất, đảm bảo thu nhập cho người lao động cho nên năm 2022 hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty đạt được những kết quả đáng khích lệ, cụ thể :

2. Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2022 :

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện 2021	Thực hiện 2022	Kế hoạch 2022	TH2022 /TH2021 (%)	TH2022 /KH2022 (%)
1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	2.686	3.146	3.000-3.500	117,13	104,87
2	Kim ngạch xuất khẩu	Triệu USD	116,88	134,23	130-140	114,84	103,25
3	Sản lượng xuất khẩu	Tấn	10.702	11.305	11.500-13.000	105,63	98,30
4	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	20,4	25,98	20-22	127,35	129,9
5	Chia cổ tức	%	03	03	03	100	100

2. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài sản :

Tình hình tài sản trong năm biến động như sau :

Đơn vị tính : đồng

TÀI SẢN	Tại ngày 31/12/2022	Tại ngày 01/01/2022
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	811.062.547.431	857.676.314.545
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	13.394.058.906	11.762.748.194
1. Tiền	13.394.058.906	4.762.748.194
2. Các khoản tương đương tiền		7.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	9.201.959.430	5.830.383.028
1. Chứng khoán kinh doanh	4.715.667.866	887.533.028
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	(513.708.436)	(57.150.000)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5.000.000.000	5.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	279.445.534.787	358.082.885.659
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	260.074.573.059	289.962.801.806
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	11.758.834.060	61.628.664.714
3. Phải thu ngắn hạn khác	7.676.172.268	6.555.463.739

4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(64.044.600)	(64.044.600)
IV. Hàng tồn kho	501.529.072.080	470.338.691.772
1. Hàng tồn kho	501.608.824.705	470.880.936.399
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(79.752.625)	(542.244.627)
V. Tài sản ngắn hạn khác	7.491.922.228	11.661.605.892
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	677.138.668	471.563.024
2. Thuế GTGT được khấu trừ	6.814.783.560	11.190.042.868
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	519.301.648.619	519.290.386.524
I. Các khoản phải thu dài hạn	5.946.140.000	5.750.560.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	-	-
2. Phải thu dài hạn khác	5.946.140.000	5.750.560.000
II. Tài sản cố định	463.985.066.562	412.282.808.501
1. Tài sản cố định hữu hình	426.140.882.792	373.847.376.986
Nguyên giá	719.188.535.070	620.524.131.965
Giá trị hao mòn lũy kế	(293.047.652.278)	(246.675.754.979)
2. Tài sản cố định vô hình	37.844.183.770	38.435.431.515
Nguyên giá	41.680.871.696	41.311.123.958
Giá trị hao mòn lũy kế	(3.836.687.926)	(2.875.692.443)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	39.650.000	48.503.897.989
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	39.650.000	48.503.897.989
V. Đầu tư tài chính dài hạn	-	200.000.000
1. Đầu tư vào Công ty con		200.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	49.330.792.057	52.553.120.034
1. Chi phí trả trước dài hạn	49.330.792.057	52.553.120.034
2. Lợi thế thương mại	-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	1.330.364.196.050	1.376.966.701.069

b) Tình hình nợ phải trả :

Đơn vị tính : đồng

NGUỒN VỐN	Tại ngày 31/12/2022	Tại ngày 01/01/2022
C. NỢ PHẢI TRẢ	980.062.049.927	1.037.866.605.355
I. Nợ ngắn hạn	798.756.499.079	850.142.430.507
1. Nợ phải trả người bán ngắn hạn	62.572.248.250	33.741.431.219
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	1.999.011.950	10.877.535.914
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	5.765.715.708	1.523.730.187
4. Phải trả người lao động	37.718.519.637	36.532.383.340
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	3.993.223.045	15.496.032.482
6. Phải trả ngắn hạn khác	2.034.043.618	2.515.843.513
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	664.530.555.728	721.910.292.709
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	20.143.181.143	27.545.181.143
II. Nợ dài hạn	181.305.550.848	187.824.174.848
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	181.305.550.848	187.824.174.848
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	350.302.146.123	339.000.095.714
I. Vốn chủ sở hữu	350.302.146.123	339.000.095.714
1. Vốn góp của chủ sở hữu	216.111.850.000	216.111.850.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	216.111.550.000	216.111.550.000
4. Cổ phiếu quỹ	(4.234.000)	(4.234.000)
5. Quỹ đầu tư phát triển	113.781.486.610	106.903.276.956
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	20.413.043.513	15.989.202.758
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	29.757.604	26.713.925
LNST chưa phân phối kỳ này	20.383.285.909	15.952.488.833
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	1.330.364.196.050	1.376.966.701.069

- Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ :
- + Công ty không có khoản nợ lớn nào
- + Nợ quá hạn phải trả không có

- Phân tích nợ phải trả xấu, ảnh hưởng chênh lệch của tỉ lệ giá hối đoái đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, ảnh hưởng chênh lệch lãi vay :

+ Không có nợ xấu

+ Tỷ giá không biến động nhiều đến tình hình sản xuất kinh doanh của công ty

+ Lãi vay ổn định

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý :

Cơ cấu tổ chức không có thay đổi lớn nào trong năm 2022. Công ty luôn có một đội ngũ cán bộ nòng cốt gắn bó lâu dài tại công ty.

Luôn nâng cao hiệu quả hoạt động của Ban quản lý, điều hành, đánh giá sắp xếp lại cơ cấu tổ chức để phù hợp và cải tiến đạt hiệu quả trong sản xuất kinh doanh.

Thực hiện nhiều biện pháp, chính sách cải tiến, ứng dụng công nghệ mới trong công tác nuôi trồng và chế biến tôm với mục tiêu là nâng cao năng suất, tiết kiệm chi phí, đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm, Phòng ngừa giảm thiểu dịch bệnh, tìm kiếm và chủ động nguồn nguyên liệu.

Tập trung cho công tác đào tạo cho đội ngũ cán bộ chủ chốt và nâng cao tay nghề cho lực lượng lao động để đáp ứng yêu cầu ngành càng cao của Thị trường thế giới.

Tiếp tục duy trì thực hiện các chính sách về chứng nhận quản lý chất lượng như BRC, IFS, ISO14001, ASC, BAP, BSCI...

Luôn có sự điều chỉnh kịp thời chiến lược kinh doanh và các giải pháp tương ứng trong bối cảnh môi trường kinh doanh đầy biến động.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai :

Trong thời gian tới, nền kinh tế toàn cầu tiếp tục đối diện với nhiều thách thức như lạm phát tăng cao, nhu cầu tiêu thụ trên thế giới giảm sút, Xung đột vũ trang giữa các nước trên thế giới ngày càng khốc liệt.

Trong nước, tình hình nguyên liệu khan hiếm, lao động thì thiếu hụt; chi phí đầu vào, giá thành các mặt hàng cung ứng tăng cao kể cả chi phí vận chuyển, thuê container trong khi đó giá sản phẩm không tăng mà có xu hướng giảm.

Doanh nghiệp gặp khó khăn khi lãi suất vay có chiều hướng tăng cao, tình hình biến động khó lường của tỷ giá ...ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Từ những nhận định nêu trên, Ban Giám đốc cân nhắc, thận trọng đề ra kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023 theo một số chỉ tiêu chủ yếu sau:

- Tổng doanh thu : 2.300-3.000 tỷ đồng.
- Kim ngạch xuất khẩu : 100 – 130 triệu USD.
- Sản lượng xuất khẩu : 8.500 – 11.500 tấn SP.
- Lợi nhuận trước thuế : 20-25 tỷ đồng.
- Dự kiến cổ tức : 03% - 05%.

- Thu nhập bình quân (26 ngày công) : 8.500.000 - 9.000.000đ/người/tháng.

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có) : không có

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty :

6.1. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường :

Bảo vệ môi trường là một trong những mục tiêu phát triển doanh nghiệp, là sự sống còn của doanh nghiệp. Chính vì vậy việc thường xuyên cải tiến, cải thiện các hoạt động sản xuất kinh doanh, sử dụng nhiều biện pháp nhằm hạn chế ảnh hưởng tiêu cực đến môi trường một cách hiệu quả, phân loại xử lý rác thải do hoạt động sản xuất, Đầu tư trang thiết bị hiện đại giảm thiểu tiêu hao nhiên liệu, áp dụng các quy chuẩn, tiêu chuẩn về môi trường nhằm đảm bảo môi trường bên trong và bên ngoài nhà máy theo đúng pháp luật về môi trường.

6.2. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động :

Người lao động là người trực tiếp làm ra sản phẩm, sử dụng máy móc nhằm tạo ra giá trị, giúp bộ máy hoạt động một cách hiệu quả. Do đó, năng suất lao động phụ thuộc phần lớn vào người lao động do vậy, Người lao động luôn được công ty quan tâm, hỗ trợ trên nhiều mặt về tinh thần cũng như vật chất, tạo môi trường làm việc thông thoáng. Chính vì vậy, trong nhiều năm qua công ty đã tiếp tục vượt qua các kỳ đánh giá trách nhiệm xã hội của các khách hàng là hệ thống phân phối lớn trên thế giới.

6.3. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương :

Công ty thường xuyên quyên góp, ủng hộ các chương trình từ thiện khi có phát động của chính quyền địa phương. Tuy việc đóng góp có giới hạn nhưng đã thể hiện trách nhiệm với cộng đồng, tiếp một phần nhỏ vào công cuộc xây dựng địa phương nơi nhà máy đang hoạt động nói riêng và đất nước nói chung giàu mạnh và phát triển bền vững.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1/ Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty.

Năm 2022, doanh nghiệp gặp không ít những khó khăn, thách thức do tình hình kinh tế, trình độ trên thế giới có nhiều bất ổn đã tác động đến nền kinh tế thế giới và trong nước. Nhưng với sự quyết tâm của tập thể Ban lãnh đạo đã đề ra các giải pháp tháo gỡ khó khăn, vừa phải duy trì hoạt động sản xuất cũng đồng thời đảm bảo thu nhập cho người lao động... cho nên các chỉ tiêu đề ra đã đạt được những kết quả đáng khích lệ, cụ thể :

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện 2022
1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	3.146
2	Kim ngạch xuất khẩu	Triệu USD	134,23
3	Sản lượng xuất khẩu	Tấn	11.305
4	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	25,98
5	Chia cổ tức	%	03

Nhằm hướng đến mục tiêu nâng cao chất lượng sản phẩm và cung cấp sản phẩm chất lượng đến người tiêu dùng, cho nên trong thời gian qua công ty luôn từng bước hoàn thiện quy trình sản xuất, cải tạo đầu tư nhà xưởng, đổi mới công nghệ, nâng cấp máy móc thiết bị nhằm nâng cao vị thế cạnh tranh các doanh nghiệp trong nước cũng như nước ngoài về xuất khẩu tôm. Đồng thời tận dụng lợi thế, thế mạnh sẵn có của công ty nhằm mở rộng thị trường xuất khẩu với mức giá cạnh tranh. Nhờ có những định hướng, chiến lược kịp thời cho nên công ty đã vượt qua những khó khăn thách thức và đạt những kết quả đáng khích lệ như trên.

Hoạt động về môi trường xã hội

Với ngành nghề đặc thù là chế biến thủy sản và nuôi trồng thủy sản, do đó Công ty nhận thức rõ về việc bảo vệ môi trường góp phần tạo nên sự phát triển bền vững của công ty. Trong năm qua công ty cũng thực hiện đầy đủ các cam kết và chấp hành tốt về môi trường như : định kỳ công ty thực hiện quan trắc môi trường đầy đủ về khai thác nước, nước thải, xả thải, các yếu tố môi trường về điều kiện làm việc....., huấn luyện cho người lao động về an toàn sử dụng hóa chất, chế phẩm sinh học trong nuôi tôm, tránh dư thừa và hạn chế xả thải ra môi trường. Tuân thủ việc đóng thuế bảo vệ môi trường, khai thác nước ngầm, nước xả thải theo quy định pháp luật....

2/ Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Giám đốc

Năm 2022, là năm có nhiều bất ổn về tình hình kinh tế chính trị trên thế giới đã tác động tiêu cực đến tình hình kinh tế xã hội trong nước nhưng với sự quyết tâm, nỗ lực của Ban Tổng giám đốc đã có những giải pháp kịp thời, linh hoạt để vượt qua khó khăn thách thức. HĐQT đánh giá cao Ban tổng giám đốc các các cấp quản lý, điều hành trong quá trình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh đề ra, cụ thể :

Hội đồng quản trị phối hợp chặt chẽ với Ban Tổng giám đốc để chỉ đạo và giải quyết kịp thời các đề xuất, yêu cầu của Ban lãnh đạo công ty trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

Các cuộc họp định kỳ và đột xuất được tổ chức có sự tham dự của HĐQT để nghe báo cáo và giải quyết kịp thời các vấn đề vướng mắc trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

Tổ chức chỉ đạo thực hiện nghiêm túc chế độ báo cáo tài chính Quý, Báo cáo tài chính bán niên, báo cáo tài chính năm và báo cáo thường niên.

Giám sát chỉ đạo việc thực hiện công bố thông tin với mục tiêu đảm bảo tính minh bạch và kịp thời theo đúng quy định.

Giám sát việc thực hiện các Nghị quyết ĐHĐCĐ và nghị quyết HĐQT đã ban hành, kiểm tra hoạt động điều hành của Ban Tổng giám đốc trong các hoạt động sản xuất kinh doanh.

3/ Kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

3.1. Kế hoạch năm 2023 :

- Tổng doanh thu : 2.300 – 3.000 tỷ đồng.
- Kim ngạch xuất khẩu : 100 – 130 triệu USD.
- Sản lượng xuất khẩu : 8.500 – 11.500 tấn SP.
- Lợi nhuận trước thuế : 20-25 tỷ đồng.
- Dự kiến chia cổ tức : 03% - 05%.
- Thu nhập bình quân(26 ngày công) : 8.500.000 - 9.000.000đ/người/tháng.

3.2. Định hướng trong thời gian tới :

- Ngoài việc duy trì các thị trường truyền thống, công ty cần phải đa dạng hóa thị trường tiêu thụ tôm, tranh thủ, tận dụng các hiệp định thương mại nhằm nâng cao kim ngạch xuất khẩu.

- Thúc đẩy nhanh công tác cải tạo ao nuôi tại Điền môn, Điền Hòa để sớm đưa ao nuôi vào hoạt động đạt công suất.

- Nghiên cứu mở rộng thêm các sản phẩm chiều sâu có giá trị gia tăng cao.

- Cải thiện môi trường làm việc, tăng cường phúc lợi cho người lao động.

- Tiếp tục đầu tư nâng cấp máy móc thiết bị, nhà xưởng tại các xí nghiệp, nhà máy nâng cao năng lực sản xuất đặc biệt là sản xuất mặt hàng giá trị gia tăng.

- Chỉ đạo và tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát đảm bảo cho các nghị quyết của Hội đồng quản trị; các quy định của pháp luật và quy chế quản trị nội bộ công ty được thực hiện hiệu quả trong toàn công ty.

- Tiếp tục nâng cao đời sống thu nhập cho người lao động, cải thiện môi trường làm việc để công ty ngày càng thu hút lực lượng lao động nhiều hơn.

V. Quản trị công ty :

1. Hội đồng quản trị

1.1 Thành phần và cơ cấu HĐQT

Căn cứ Danh sách chốt tính đến ngày 03.03.2023

Stt	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Ông Trần Văn Lĩnh	Chủ tịch HĐQT	1.551.886	7,18%
2	Bà Nguyễn Thị Phi Anh	Thành viên HĐQT	10.229.736	47,34%
3	Bà Dương Thị Tuyết Hằng	Thành viên HĐQT	319.992	1,48%
4	Bà Lê Thanh Thảo	Thành viên HĐQT	1.220.940	5,65%
5	Bà Lê Thị Minh Thảo	Thành viên HĐQT	1.147.120	5,30%
6	Ông Trương Nguyên(*)	Thành viên HĐQT	143.835	0,66%
7	Ông Nguyễn Đình Tuấn(*)	Thành viên HĐQT	33.600	0,15%

Ghi chú : (*)Không còn là thành viên HĐQT kể từ ngày 19/3/2022 do hết nhiệm kỳ

1.2. Các tiểu ban thuộc HĐQT : không có

1.3. Hoạt động của Hội đồng quản trị :

Các cuộc họp của Hội đồng quản trị :

Stt	Thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Ông Trần Văn Lĩnh	19/19	100%	
2	Bà Nguyễn Thị Phi Anh	19/19	100%	
3	Bà Dương Thị Tuyết Hằng	16/19	84,21%	Đi công tác
4	Bà Lê Thanh Thảo	14/19	73,68%	Đi công tác
5	Bà Lê Thị Minh Thảo	19/19	100%	
6	Ông Trương Nguyên(*)	2/3	66,6%	ốm

7	Ông Nguyễn Đình Tuấn(*)	3/3	100%	
---	-------------------------	-----	------	--

Ghi chú : () Không tham gia họp HĐQT kể từ ngày 19/3/2022 (không còn là thành viên HĐQT do hết nhiệm kỳ)*

Hoạt động của HĐQT :

Thực hiện theo quy định tại điều lệ công ty, theo quy chế nội bộ về quản trị công ty. HĐQT và Ban giám đốc đã tiến hành các cuộc họp chung nhằm thống nhất một số nội dung liên quan đến tình hình sản xuất kinh doanh của công ty như : Giám sát, tư vấn và đưa các giải pháp, chiến lược kinh doanh trong năm đạt hiệu quả, không đi lệch mục tiêu mà Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2022 đã đề ra, giải quyết các vấn đề liên quan đến nhân sự và giám sát chỉ đạo công bố thông tin nhằm đảm bảo tính minh bạch và kịp thời theo đúng quy định hiện hành.

Chỉ đạo việc tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022, lập Báo cáo tài chính Quý, bán niên, năm theo đúng quy định của pháp luật và điều lệ công ty.

Giám sát việc thực hiện các nghị quyết của ĐHĐCĐ và Nghị quyết HĐQT đã ban hành trên cơ sở công tác giám sát, HĐQT có những đánh giá và kết luận kịp thời để Tổng giám đốc và Ban Tổng giám đốc triển khai.

Nội dung các cuộc họp và nghị quyết được ban hành cụ thể như sau :

Số tt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Trích yếu nội dung
1	Số 01/NQ- HĐQT	10/1/2022	Nghị quyết V/v thực hiện Dự án đầu tư kho lạnh mới và kế hoạch SXKD năm 2022
2	Số 02/NQ- HĐQT	27/1/2022	Nghị quyết HĐQT V/v chuẩn bị tổ chức họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2022
3	Số 03/NQ- HĐQT	14/3/2022	Nghị quyết HĐQT V/v thông qua danh sách ứng viên được đề cử, ứng cử thành viên HĐQT và BKS nhiệm kỳ 2022-2027 của Công ty
4	Số 05/NQ- HĐQT	19/3/2022	Nghị quyết HĐQT V/v bầu Chủ tịch HĐQT nhiệm kỳ 2022-2027
5	Số 08/NQ- HĐQT	23/4/2022	Nghị quyết HĐQT V/v Bổ nhiệm chức danh Phó TGĐ, Kế toán trưởng và người phụ trách quản trị kiêm thư ký công ty
6	Số 12/NQ- HĐQT	07/5/2022	Nghị quyết HĐQT V/v thế chấp tài sản tại Vietinbank Đà Nẵng

7	Số 13/NQ-HĐQT	17/5/2022	Nghị quyết HĐQT V/v vay vốn ngân hàng thương mại cổ phần Hàng hải Việt Nam MSB - Chi nhánh Đà Nẵng.
8	Số 14/NQ-HĐQT	17/5/2022	Nghị quyết HĐQT V/v vay vốn ngân hàng thương mại cổ phần Quốc tế Việt Nam VIB - Chi nhánh Đà Nẵng
9	Số 15/NQ-HĐQT	06/6/2022	Nghị quyết HĐQT V/v thông qua phương án vay vốn Vietcombank Chi nhánh Đà Nẵng.
10	Số 16/NQ-HĐQT	26/7/2022	Nghị quyết HĐQT Về việc vay vốn, bảo lãnh, mở L/C, chiết khấu và bảo đảm cấp tín dụng tại Ngân hàng TMCP công thương Việt Nam – CN Đà Nẵng
11	Số 17/NQ-HĐQT	01/8/2022	Nghị quyết HĐQT Về việc bổ nhiệm chức vụ Tổng giám đốc Công ty cổ phần Thủy sản và Thương mại Thuận Phước
12	Số 19/NQ-HĐQT	03/8/2022	Nghị quyết HĐQT Về việc điều chỉnh nội dung vay vốn Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam – CN Đà Nẵng
13	Số 20/NQ-HĐQT	24/9/2022	Nghị quyết HĐQT Về việc thế chấp Tài sản tại Vietinbank Đà Nẵng
14	Số 21/NQ-HĐQT	24/9/2022	Nghị quyết HĐQT Về việc sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp tài sản tại Vietinbnak Đà Nẵng
15	Số 22/NQ-HĐQT	30/9/2022	Nghị quyết HĐQT Về việc thế chấp Tài sản tại Vietinbank Đà Nẵng
16	Số 23/NQ-HĐQT	28/10/2022	Nghị quyết HĐQT về việc thông qua hạn mức tín dụng tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Kỹ thương Việt Nam (Techcombank).
17	Số 24/NQ-HĐQT	15/12/2022	Nghị quyết HĐQT về việc vay vốn cá nhân để bổ sung vốn lưu động công ty.
18	Số 25/NQ-HĐQT	16/12/2022	Nghị quyết HĐQT về việc thế chấp tài sản tại Vietinbank Đà Nẵng.
19	Số 26/NQ-HĐQT	28/12/2022	Nghị quyết HĐQT về việc vay vốn cá nhân để bổ sung vốn lưu động công ty.

1.4 Danh sách các thành viên HĐQT có chứng chỉ đào tạo, tham gia các chương trình về quản trị công ty : không có.

2/ Ban kiểm soát :

2.1 Thành viên và cơ cấu Ban kiểm soát :

Căn cứ Danh sách chốt tính đến ngày 03/03/2023

Stt	Thành viên BKS	Chức vụ	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Ông Nguyễn Văn Trung(*)	Trưởng ban	20.700	0,095%
2	Ông Mai Đăng Hải	Thành viên	13.600	0,062%
3	Bà Huỳnh Thị Nguyệt(*)	Thành viên	3.000	0,0001%
4	Bà Võ Thị Hà(**)	Trưởng ban	10.200	0,047%
5	Bà Đặng Thị Hải(**)	Thành viên	2.600	0,012%

Ghi chú :

(*) Thành viên BKS kể từ ngày 19/3/2022 (bắt đầu là thành viên BKS nhiệm kỳ 2022-2027)

(**) Không còn là thành viên BKS kể từ ngày 19/3/2022 (do hết nhiệm kỳ)

2.2 Hoạt động của Ban kiểm soát :

2.2.1 Các cuộc họp của Ban kiểm soát :

Stt	Thành viên BKS	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Tỷ lệ biểu quyết	Lý do không tham dự họp
1	Ông Nguyễn Văn Trung (*)	2/2	100%	100%	
2	Ông Mai Đăng Hải	3/3	100%	100%	
3	Bà Huỳnh Thị Nguyệt (*)	2/2	100%	100%	
4	Bà Võ Thị Hà (**)	1/1	100%	100%	
5	Bà Đặng Thị Hải (**)	1/1	100%	100%	

Ghi chú :

(*) Tham gia họp BKS kể từ ngày 19/3/2022 (bắt đầu là TV BKS nhiệm kỳ 2022-2027)

(**) Không tham gia họp BKS kể từ ngày 19/3/2022 (không còn là TV BKS do hết nhiệm kỳ)

2.2.2. Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và cổ đông :

Tham gia các buổi họp của Ban lãnh đạo công ty, Ban kiểm soát thực hiện chức năng giám sát công tác quản lý, điều hành của HĐQT, Ban giám đốc và hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty tuân thủ điều lệ, quy chế nội bộ về quản trị công ty cũng như nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Để thực hiện các nhiệm vụ trên, BKS tổ chức các cuộc họp như : kiểm tra báo cáo tài chính quý, bán niên; đề xuất lựa chọn công ty kiểm toán và thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy chế hoạt động của BKS. Theo đó, Hội đồng quản trị và Ban điều hành đã tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật trong điều hành, chức năng nhiệm vụ theo quy định.

2.2.3. Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác :

- Ban kiểm soát đã chủ động trao đổi, thống nhất với HĐQT về các nội dung, kế hoạch, giám sát, phối hợp với ban điều hành trong quá trình giám sát.

- Ban điều hành đã tạo điều kiện thuận lợi cho Ban kiểm soát thu thập thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh.

- HĐQT cung cấp đầy đủ các Nghị quyết, quyết định của HĐQT cho BKS.

- HĐQT, Ban Giám đốc, BKS và các cán bộ quản lý của công ty đã có mối quan hệ phối hợp chặt chẽ trong công tác điều hành, quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh.

3/ Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, Ban Tổng giám đốc và Ban kiểm soát

3.1. Thù lao của các HĐQT, Ban kiểm soát năm 2022:

Stt	Chi tiết	Chức vụ	Tiền thù lao (VNĐ)
I	Hội đồng quản trị		
1	Trần Văn Lĩnh	Chủ tịch HĐQT	0
2	Nguyễn Thị Phi Anh	TV HĐQT/ TGD	96.000.000
3	Dương Thị Tuyết Hằng	TV HĐQT/ Phó TGD	96.000.000
4	Lê Thị Minh Thảo	TV HĐQT/	96.000.000

5	Lê Thanh Thảo	TV HĐQT/	96.000.000
6	Nguyễn Đình Tuấn (*)	TV HĐQT/ Phó TGD	24.000.000
8	Trương Nguyên (*)	TV HĐQT	24.000.000
	Cộng		432.000.000
II	Ban kiểm soát		
1	Nguyễn Văn Trung	Trưởng BKS	76.000.000
2	Mai Đăng Hải	TV BKS	56.500.000
3	Huỳnh Thị Nguyệt	TV BKS	47.500.000
4	Võ Thị Hà (**)	Trưởng BKS	24.000.000
5	Đặng Thị Hải (**)	TV BKS	12.000.000
	Cộng		216.000.000
	Tổng công (I+II)		648.000.000

3.1. Lương, thưởng, và các khoản thu nhập khác của thành viên Ban Tổng giám đốc, Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2022:

Stt	Chi tiết	Chức vụ	Tiền lương, thưởng (VNĐ)
I	HĐQT và Ban Tổng giám đốc		
1	Trần Văn Lĩnh	Chủ tịch HĐQT	456.658.000
2	Nguyễn Thị Phi Anh	TV HĐQT/ TGD	705.089.000
3	Dương Thị Tuyết Hằng	TV HĐQT/ Phó TGD	313.243.000
4	Lê Thị Minh Thảo	TV HĐQT/	274.059.000
5	Lê Thanh Thảo	TV HĐQT/	311.421.000
6	Nguyễn Đình Tuấn (*)	TV HĐQT/ Phó TGD	400.238.000
7	Phạm Đình Nguyên	Phó TGD	541.147.000
8	Trương Nguyên (*)	TV HĐQT	
	Cộng		3.001.855.000

II	Ban kiểm soát		
1	Nguyễn Văn Trung	Trưởng BKS	171.495.000
2	Mai Đăng Hải	TV BKS	168.392.000
3	Huỳnh Thị Nguyệt	TV BKS	161.968.000
4	Võ Thị Hà (**)	Trưởng BKS	
5	Đặng Thị Hải (**)	TV BKS	157.053.000
	Cộng		658.908.000
	Tổng công		3.660.763.000

(*) : không còn là Thành viên HĐQT kể từ ngày 19/3/2022

(**) : không còn là Thành viên Ban kiểm soát kể từ ngày 19/3/2022

Lợi ích khác : được công ty hỗ trợ xe đưa đón, thanh toán các cước phí hàng tháng, thanh toán các chi phí công tác, vv...

3.2 Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ :

Stt	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Trần Văn Lĩnh	Chủ tịch HĐQT	1.463.886	6,77%	1.551.886	7,18%	mua thêm cổ phiếu
2	Lê Thanh Thảo	Thành viên HĐQT/ Phó Tổng giám đốc	1.137.120	5,26%	1.147.120	5,30%	mua thêm cổ phiếu
3	Nguyễn Thị Phi Anh	Thành viên HĐQT/ Tổng Giám đốc	10.205.736	47,22%	10.229.736	47,34%	mua thêm cổ phiếu

3.3 Hợp đồng giao dịch với người nội bộ

ST T	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số nghị quyết/ Quyết định của ĐHCĐ/ HĐQT thông qua	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch
1	Nguyễn Thị Phi Anh	TV HĐQT/ Tổng giám đốc	Số CCCD : 001159044532 Ngày cấp : 16/09/2022 Nơi cấp : Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội	05 Lê Bình, An Hải Bắc, Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng	15/12/2022	Theo Nghị quyết số 24/NQ-HĐQT ngày 15/12/2022	THP vay tiền cá nhân. 10.000.000.000 đồng
2	Nguyễn Thị	TV	Số CCCD : 001159044532	05 Lê Bình, An	28/12/2022	Theo Nghị	THP vay tiền cá nhân.

Phi Anh	HĐQT/ Tổng giám đốc	Ngày cấp : 16/09/2022 Nơi cấp : Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội	Hải Bắc, Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng	quyết số 26/NQ-HĐQT ngày 28/12/2022	23.000.000.000 đồng
---------	---------------------------	--	---	--	---------------------

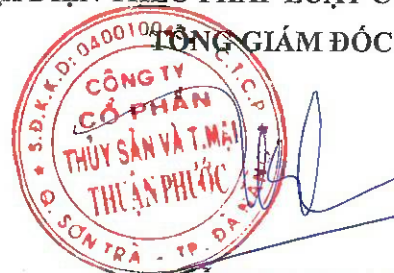
3.4 Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty : tuân thủ các quy định về quản trị công ty.

VI. Báo cáo tài chính :

1. Ý kiến kiểm toán : Báo cáo tài chính năm 2022 đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của công ty tại ngày 31/12/2022 cũng như kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc tài cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán : Báo cáo tài chính năm 2022 đã được kiểm toán được đăng tải trên website : www.thuanphuoc.vn mục “Quan hệ cổ đông/Báo cáo tài chính”, được công bố thông tin theo đúng quy định hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán của Bộ Tài chính.

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY



NGUYỄN THỊ PHI ANH

Nơi nhận :

- Như trên;
- HĐQT, BKS, BGD;
- Web công ty;
- Lưu VTCT.